

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 32

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	
Ông Trần Mạnh Hữu	Thành viên	từ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2017
Ông Phan Hồng Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban	bỏ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Xuân Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2017
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	
Ông Lê Văn Diễm	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2017
Ông Vũ Hồng Đăng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2017

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh  
Ông Hoàng Anh Tuấn  
Ông Dương Tấn Tường

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61359032/19555323

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 25 của báo cáo tài chính riêng, mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc kiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 3 năm 2017.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Nguyễn Thùy Trang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.110.407.007.529</b>	<b>2.154.211.938.298</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>150.591.722.817</b>	<b>320.426.167.528</b>
111	1. Tiền		8.051.722.817	3.606.167.528
112	2. Các khoản tương đương tiền		142.540.000.000	316.820.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>336.700.000.000</b>	<b>663.530.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	336.700.000.000	663.530.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>454.947.892.230</b>	<b>752.743.135.564</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23	115.529.411.120	130.728.146.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	328.795.558.309	602.811.353.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.622.922.801	19.203.635.268
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>149.696.719.847</b>	<b>373.701.455.633</b>
141	1. Hàng tồn kho		149.696.719.847	373.701.455.633
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>14</b>	<b>18.470.672.635</b>	<b>43.811.179.573</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.304.820.358	43.811.179.573
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.165.852.277	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.648.182.437.459</b>	<b>3.960.471.863.191</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>712.243.589.971</b>	<b>762.190.568.976</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	712.243.589.971	762.190.568.976
222	Nguyên giá		3.075.242.368.403	3.044.882.371.839
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.362.998.778.432)	(2.282.691.802.863)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.912.111.583.684</b>	<b>3.175.992.082.824</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.912.111.583.684	3.175.992.082.824
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12.2</b>	<b>10.812.957.192</b>	<b>10.812.957.192</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.000.000.000	1.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		9.812.957.192	9.812.957.192
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.014.306.612</b>	<b>11.476.254.199</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.653.558.877	1.148.407.952
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	861.808.912	1.991.422.377
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	10.498.938.823	8.336.423.870
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.758.589.444.988</b>	<b>6.114.683.801.489</b>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.847.504.025.673</b>	<b>3.276.732.033.765</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>277.106.438.363</b>	<b>487.781.107.350</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	202.258.578.804	200.206.561.679
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	25.191.530.441	23.628.526.625
314	3. Phải trả người lao động		12.295.080.109	4.766.618.568
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		21.010.299.278	648.668.944
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		2.389.436.578	2.589.881.298
320	6. Vay ngắn hạn	15	7.515.335.997	246.257.501.166
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.446.177.156	9.683.349.070
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.570.397.587.310</b>	<b>2.788.950.926.415</b>
338	1. Vay dài hạn	15	3.570.397.587.310	2.788.950.926.415
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.911.085.419.315</b>	<b>2.837.951.767.724</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>2.911.085.419.315</b>	<b>2.837.951.767.724</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		327.862.780.000	294.414.000.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		486.816.431.277	447.131.559.686
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		201.835.873.686	187.450.602.100
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		284.980.557.591	259.680.957.586
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.758.589.444.988</b>	<b>6.114.683.801.489</b>

  
Phan Thị Thanh Thủy  
Người lập

  
Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	526.068.124.355	447.638.315.189
11	2. Giá vốn hàng bán	18, 21	(214.607.577.771)	(181.089.331.371)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		311.460.546.584	266.548.983.818
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	36.620.383.246	54.399.778.626
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	19	(2.266.606.483) (1.090.913.878)	(19.678.911.270) (5.197.289.216)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	(23.585.097.341)	(19.894.857.418)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		322.229.226.006	281.374.993.756
31	8. Thu nhập khác		59.545.451	1.099.090.912
32	9. Chi phí khác		(289.436.425)	(99.054.337)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(229.890.974)	1.000.036.575
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		321.999.335.032	282.375.030.331
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(35.889.163.976)	(22.694.072.745)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.1	(1.129.613.465)	-
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế		284.980.557.591	259.680.957.586

  
Phan Thị Thanh Thúy  
Người lập

  
Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>321.999.335.032</b>	<b>282.375.030.331</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	8	80.306.975.569	81.157.406.199
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19	527.735.778	14.468.887.036
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.996.723.492)	(54.607.141.592)
06	Chi phí lãi vay	19	1.090.913.878	5.197.289.216
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>367.928.236.765</b>	<b>328.591.471.190</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		42.671.937.226	(39.963.435.118)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.162.514.953)	(3.454.789.382)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		23.800.660.813	(6.513.218.402)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(505.150.925)	207.278.850
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.076.620.596)	(4.901.615.838)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.662.794.246)	(19.597.259.455)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.775.018.003)	(212.433.092)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>381.218.736.081</b>	<b>254.155.998.753</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.256.264.870.789)	(1.306.285.997.115)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(368.700.000.000)	(630.030.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		695.530.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.444.741.549	48.291.575.054
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(886.990.129.240)</b>	<b>(1.884.024.422.061)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	15	864.217.790.695	1.405.624.166.486
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(322.041.030.747)	(402.300.309.968)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(206.239.811.500)	(206.239.811.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		335.936.948.448	797.084.045.018
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(169.834.444.711)	(832.784.378.290)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		320.426.167.528	1.153.210.545.818
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	150.591.722.817	320.426.167.528



Phan Thị Thanh Thúy  
Người lập



Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 215 (31 tháng 12 năm 2016 là: 174).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ và dụng cụ, vật liệu - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.  
xây dựng cơ bản

Chi phí sản xuất, kinh doanh - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

► *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	356.960.518	301.495.682
Tiền gửi ngân hàng	7.694.762.299	3.304.671.846
Các khoản tương đương tiền	142.540.000.000	316.820.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.591.722.817</b>	<b>320.426.167.528</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,7 – 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	186.881.724.795	346.367.266.787
Andritz Hydro GmbH	32.198.219.015	51.708.334.154
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Đức Bảo		
Kon Tum	30.436.513.529	47.998.949.833
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng		
Tỉnh Kon Tum	29.744.095.820	14.090.623.820
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	7.738.885.000	11.999.459.162
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	82.878.021.434
Khác	41.796.120.150	47.768.698.108
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>328.795.558.309</u></b>	<b><u>602.811.353.298</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	7.719.226.222	14.167.244.279
Phải thu người lao động	1.489.816.298	1.753.493.018
Khác	1.413.880.281	3.282.897.971
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.622.922.801</u></b>	<b><u>19.203.635.268</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật liệu xây dựng cơ bản (*)	149.401.880.991	373.403.416.777
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	293.712.189	293.712.189
Công cụ, dụng cụ	1.126.667	4.326.667
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>149.696.719.847</u></b>	<b><u>373.701.455.633</u></b>

(\*) Vật liệu xây dựng cơ bản chủ yếu bao gồm thiết bị phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 111.506.040.043 VND (31 tháng 12 năm 2016: 336.381.659.046 VND).

## Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	2.062.983.372.762	941.112.837.485	31.805.236.079	8.980.925.513	3.044.882.371.839
Mua mới trong năm	5.535.970.909	22.455.670.227	1.717.264.519	651.090.909	30.359.996.564
Số cuối năm	2.068.519.343.671	963.568.507.712	33.522.500.598	9.632.016.422	3.075.242.368.403
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	96.812.687.846	835.530.237.347	22.161.672.551	2.398.030.713	956.902.628.457
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	1.388.953.368.441	864.748.472.219	25.691.212.008	3.298.750.195	2.282.691.802.863
Khấu hao trong năm	66.122.300.003	12.663.682.620	1.208.153.936	312.839.010	80.306.975.569
Số cuối năm	1.455.075.668.444	877.412.154.839	26.899.365.944	3.611.589.205	2.362.998.778.432
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	674.030.004.321	76.364.365.266	6.114.024.071	5.682.175.318	762.190.568.976
Số cuối năm	613.443.675.227	86.156.352.873	6.623.134.654	6.020.427.217	712.243.589.971

Công ty đã sử dụng một số tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại là 232.177.085.760 VND (31 tháng 12 năm 2016: 255.944.024.928 VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 15).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	4.811.203.811.824	3.075.051.257.919
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	98.047.075.772	92.080.799.953
Khác	2.860.696.088	8.860.024.952
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.912.111.583.684</u></b>	<b><u>3.175.992.082.824</u></b>

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kooi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được phê duyệt cho phép đầu tư dự án này theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ với công suất lắp máy là 220 MW. Dự án đã được chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 80MW. Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (*Thuyết minh số 15*).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.175.992.082.824	2.213.242.112.053
Xây dựng cơ bản	1.337.736.606.750	746.501.964.222
Vốn hóa chi phí lãi vay	398.382.894.110	221.272.721.350
Chuyển sang TSCĐ	-	(4.158.232.769)
Khác	-	(866.482.032)
Số cuối năm	<b><u>4.912.111.583.684</u></b>	<b><u>3.175.992.082.824</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo	1.414.326.061	-
Chi phí khảo sát, tư vấn xây dựng nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn	239.232.816	1.148.407.952
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.653.558.877</b>	<b>1.148.407.952</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm nay
Số đầu năm	1.148.407.952	9.261.457.914
Tăng trong năm	2.121.489.091	723.741.451
Phân bổ trong năm	(1.616.338.166)	(8.836.791.413)
Số cuối năm	<b>1.653.558.877</b>	<b>1.148.407.952</b>

**11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**12.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	336.700.000.000	663.530.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất từ 5,2 – 6,5%/năm.

Công ty đã thế chấp 35.000.000.000 VND khoản tiền gửi ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngân hàng (Thuyết minh số 15).

**12.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.2.1)	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2.2)	9.812.957.192	9.812.957.192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.812.957.192</b>	<b>10.812.957.192</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**12.2.1 Đầu tư vào công ty con**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH	<u>1.000.000.000</u>	100,00	<u>1.000.000.000</u>	100,00

Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**12.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	<u>9.812.957.192</u>	49,72	<u>9.812.957.192</u>	49,72

Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100259469 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 10 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ du lịch khách sạn và lữ hành. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.



**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	107.543.210	467.692.861
Các bên khác	202.151.035.594	199.738.868.818
- Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR 18G	188.796.692.308	188.796.692.308
- Khác	13.354.343.286	10.942.176.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>202.258.578.804</u></b>	<b><u>200.206.561.679</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	<u>(43.811.179.573)</u>	<u>(27.272.260.050)</u>	<u>52.612.766.988</u>	<u>(18.470.672.635)</u>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.769.854.305	35.889.163.976	(36.662.794.246)	9.996.224.035
Thuế tài nguyên	7.109.050.777	69.923.777.878	(68.527.657.770)	8.505.170.885
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.661.455.340	18.705.254.656	(17.481.040.920)	5.885.669.076
Thuế thu nhập cá nhân	1.088.166.203	3.094.217.976	(3.377.917.734)	804.466.445
Thuế nhà thầu	-	5.452.418.562	(5.452.418.562)	-
Thuế khác	-	294.057.095	(294.057.095)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.628.526.625</u></b>	<b><u>133.358.890.143</u></b>	<b><u>(131.795.886.327)</u></b>	<b><u>25.191.530.441</u></b>



## Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. VAY

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>246.257.501.166</b>	<b>75.737.951.624</b>	<b>(322.041.030.747)</b>	<b>7.497.909.131</b>	<b>63.004.823</b>	<b>7.515.335.997</b>	
Vay ngân hàng	238.831.310.292	75.737.951.624	(314.569.261.916)	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	7.426.190.874	-	(7.471.768.831)	7.497.909.131	63.004.823	7.515.335.997	
<b>Dài hạn</b>	<b>2.788.950.926.415</b>	<b>788.479.839.071</b>	<b>-</b>	<b>(7.497.909.131)</b>	<b>464.730.955</b>	<b>3.570.397.587.310</b>	
Vay ngân hàng	2.788.950.926.415	788.479.839.071	-	(7.497.909.131)	464.730.955	3.570.397.587.310	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.035.208.427.581</b>	<b>864.217.790.695</b>	<b>(322.041.030.747)</b>	<b>-</b>	<b>527.735.778</b>	<b>3.577.912.923.307</b>	

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Bình Định (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	848.130.914.217	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2027 đến ngày 4 tháng 10 năm 2029	10,40
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	112.318.125.431	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2029 đến ngày 4 tháng 10 năm 2029	9,90
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Kon Tum (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	699.998.146.384	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2027 đến ngày 24 tháng 3 năm 2029	10,00
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	116.184.942.292	Từ ngày 22 tháng 8 năm 2029 đến ngày 29 tháng 12 năm 2029	9,50
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") – Chi nhánh Hiệp Phú (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức tổng cộng 950 tỷ đồng	448.909.305.077	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2027 đến ngày 25 tháng 12 năm 2029	10,15
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") – Chi nhánh Bình Định (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức tổng cộng 950 tỷ đồng	408.598.059.487	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2027 đến ngày 25 tháng 12 năm 2030	10,15
Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	399.999.562.524	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	10,00

## Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 15. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	414.134.311.183	18.207.708	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV – Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12.1)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (iii)	129.639.556.712	5.781.028	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2018 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh (Thuyết minh số 8)

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	7.515.335.997	335.132
Vay dài hạn	122.124.220.715	5.445.896
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.577.912.923.307</b>	<b>23.988.736</b>

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	7.515.335.997
Vay dài hạn	3.570.397.587.310

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV – Chi nhánh Bình Định, Vietcombank – Chi nhánh Kon Tum, ACB – Chi nhánh Bình Định, HDBank – Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV – Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV – Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.
- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tin dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu (“NDF”). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tin dụng số 01/TĐNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 16.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	403.783.408.100	2.794.603.616.138
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	259.680.957.586	259.680.957.586
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.004.000.000)	(1.004.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.737.560.000)	(6.737.560.000)
Khác	-	-	-	-	(2.350.000.000)	(2.350.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	447.131.559.686	2.837.951.767.724
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	447.131.559.686	2.837.951.767.724
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	284.980.557.591	284.980.557.591
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.448.780.000	-	(33.448.780.000)	-
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.240.000.000)	(1.240.000.000)
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(3.705.660.000)	(3.705.660.000)
Khác	-	-	-	-	(660.000.000)	(660.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	327.862.780.000	27.661.280.000	486.816.431.277	2.911.085.419.315



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Cổ phiếu**

	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	206.241.246	206.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>206.241.246</i>	<i>206.241.246</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	206.241.246	206.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>206.241.246</i>	<i>206.241.246</i>

**16.3 Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
		VND
Cổ tức công bố trong năm	206.241.246.000	206.241.246.000
Cổ tức đã trả trong năm	(206.239.811.500)	(206.239.811.500)

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
		VND
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>526.068.124.355</u>	<u>447.638.315.189</u>

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
		VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.252.091.221	52.940.388.721
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.744.632.271	1.453.860.226
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	623.659.754	5.529.679
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>36.620.383.246</b></u>	<u><b>54.399.778.626</b></u>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
		VND
Giá vốn sản xuất điện	<u>214.607.577.771</u>	<u>181.089.331.371</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.090.913.878	5.197.289.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	527.735.778	14.468.887.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	647.956.827	12.735.018
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.266.606.483</u></b>	<b><u>19.678.911.270</u></b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	14.346.951.841	11.809.201.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.882.052.743	2.338.827.534
Chi phí vật liệu quản lý	704.583.674	698.516.223
Chi phí khấu hao	622.793.416	692.070.828
Thuế, phí và lệ phí	433.120.061	365.221.098
Chi phí khác	4.595.595.606	3.991.020.035
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.585.097.341</u></b>	<b><u>19.894.857.418</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên và dịch vụ môi trường	88.629.032.534	63.149.999.654
Chi phí khấu hao	79.803.020.598	80.868.659.573
Chi phí lương	40.919.817.042	30.702.811.501
Chi phí nguyên vật liệu	7.498.892.143	4.817.400.871
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	6.668.402.667	2.533.893.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.325.025.077	7.945.573.275
Chi phí khác	10.348.485.051	10.965.850.366
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>238.192.675.112</u></b>	<b><u>200.984.188.789</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với hoạt động sản xuất điện, Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2005 đến 2008), và được giảm 50% thuế TNDN trong tám (8) năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2016).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.496.224.035	22.694.072.745
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	392.939.941	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.129.613.465	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.018.777.441</u></b>	<b><u>22.694.072.745</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>321.999.335.032</u></b>	<b><u>282.375.030.331</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	64.399.867.006	56.475.006.066
<i>Điều chỉnh:</i>		
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(28.600.767.445)	(36.718.744.491)
Cổ tức nhận được	(348.926.454)	(290.772.045)
Giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.129.613.465	-
Chi phí không được trừ	46.050.928	3.228.583.215
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	392.939.941	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>37.018.777.441</u></b>	<b><u>22.694.072.745</u></b>

### 22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**22.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm này và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	861.808.912	1.991.422.377	(1.129.613.465)	-

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	526.068.124.355	447.638.315.189
Tổng Công ty Phát điện 3	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	42.716.160.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	-	49.497.930.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.744.632.271	1.453.860.226
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ Giảm khoản vốn đầu tư	3.741.348.233	5.123.152.591
			-	4.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	<u>115.529.411.120</u>	<u>130.728.146.998</u>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	<u>107.543.210</u>	<u>467.692.861</u>	

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc trong năm nay và năm trước như sau:

			VND		
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Lương và các lợi ích khác			<u>2.733.502.362</u>	<u>2.963.129.833</u>	

**24. CÁC CAM LIÊN QUAN ĐẾN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Tại thời kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có khoản cam kết 2.272.723.490.906 VND (31 tháng 12 năm 2016: 3.732.689.096.056 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum.

**25. NỢ TIỀM TÀNG**

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (“VIAC”) về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH về việc Thiết kế và Thi công tuyển năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum (“Hợp đồng”). Trong thông báo này, Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc là nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường về việc vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty đã gửi đến VIAC hồ sơ tự bảo vệ. Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra phản tố và yêu cầu bồi thường ngược lại vào ngày 20 tháng 11 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính riêng do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phan Thị Thanh Thúy  
Người lập



Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

